

CAO HUY KHANH



BÙI GIẢNG
Cải lương ca

Bùi Giáng cải lương ca

Cao Huy Khanh



Bùi Giáng cải lương ca

Cao Huy Khanh

Bìa: *M.C.P*

Nguồn: *Thư Quán bản thảo*

Bùi Giáng cải lương ca

CAO HUY KHANH

**Tuần báo KHỞI HÀNH
số 78, 79 * 05-12/11/1970**



Cao Huy Khanh



Bùi Giáng

*Vai mang đầu tóc mặt mày,
Thân như ảo mộng đi dài ngõ thôn.*

(Sa Mạc Trường Ca)

PHỐ THỊ

Những khi nửa đêm một mình ra phố, phố vắng, đường không người đi, vỉa hè mập mờ những gót giày đã qua, bao người yêu dấu đều bất dạng, trên cao kia ngọn đèn lu tắt nhiên là vì tâm sự, ánh sáng nào đã úa xuống trên lòng bàn tay hắt hiu, con chim én nào đã bay về tổ cánh rợp mát cả một buổi chiều, thành phố cũ đã thâm kín hết một đời người dang dở, nhìn ngang nhìn ngửa nào có ai đâu, trong cuộc đời này, không có ai không còn ai.

Thành phố của chúng ta đây phải không, có thật không một thành phố, những thành phố, sự có mặt của nó, sự hắt hiu của nó, sự đọa đày và xua đuổi trên những con đường vắng tanh, lá me bay lá me bay rụng bâng hoàng một cánh dơi đen trong sân trường cũ, thành phố

của ai đây, không có ai không còn ai. Siết cổ cái cây phượng vĩ trước mặt chết tươi, một hàng phượng vĩ chết, rụng nước mắt thiên châu, cấm mọi người sống trong thành phố này, giết mọi người sống trong thành phố này, thành phố này của tôi, phải chăng, thành phố này không còn là của tôi, không có ai không còn ai.

Mịt mù căn nhà vắng, trống gió dưới chân đồi, bơ vơ cánh buồn ma dĩ vãng đã chìm mất tăm, thành phố này đã chết, tất cả mọi thành phố đã chết.

Những khi nửa đêm se lạnh hắt hiu đó đứng giữa lòng đại lộ che bóng mình đen kịt cả một thời quá khứ đồ dài sau lưng tôi vẫn thường tự hỏi thăm ở đâu đây, cái nơi này tôi đã đến, chốn nào là chỗ tôi trở lại đêm nay, đây là đâu, thành phố phải không, một thành phố trong mỗi đời người chúng ta phải không? Kia

con dốc đổ xuôi dưới chân cầu nơi chúng ta vẫn thường nô đùa theo những tà áo con gái, đó khu vườn hoa bay trẻ ban tối hay rủ nhau ra đá bóng và khuất ở phía trên kia trên ban công ngôi lầu hoa hồng người con gái vẫn hay đứng nhìn ra sông tư lự,...

Thành phố đó, có phải nơi này tôi đã sống. tôi đã từng đi ngang qua, đã đau khổ và thơ mộng, ngậm ngùi và thương tâm, mê mê tỉnh tỉnh trong bóng lớn một thành phố những ngày thanh xuân, thế mà tại sao khi trở lại tôi mịt mù hết thấy, chim không bay và lá cũng thôi vàng, nửa đêm chà nát mộng tan tành, không có ai không còn ai, người biệt dạng muôn thú về rừng sông uất hận và non cao nhòa vô vàn lệ bụi ngùi.

Thành phố đó đẩy tôi ra khỏi quê hương, một mảnh đất hương khói là

đàn, thành phố không phải là thành phố
nó từ khước tôi, tôi tìm không ra nó,
thành phố đã chết, đúng vậy tôi đã chết.
Tại sao? Tưởng tượng thấy một thành
phố nơi chúng ta đã sinh ra đã lớn lên
ở đó và đã bỏ ra đi hoang đàng cho đến
một đêm nào tình cờ ngó lại. Có còn gì
đâu ngoài một khoảng trống không ngập
ngụa bàng hoàng, đêm nay ngõ hẻm cũ
đã rào kín lối về, hiu hắt ôi hiu hắt, ngọn
lửa hồng bắc lụn, chúng ta cháy ngắt một
lần rồi thôi ôm ngực lạnh lắm rồi một
đời. Tưởng tượng thấy một người đi lui
đi lui mãi lui tận về phía sau lưng một
thành phố như trôi mãi tới về một phía
biển đen lấp lánh ánh sao, thành phố
nào đã vùi lấp dưới biển, con nước nào
đã nhận chìm thêm nhà tôi, chúng ta ướt
hết những trí nhớ than van, nặng mi sầu
ảo ảnh. Tưởng tượng thấy một thành
phố vỗ cánh bay cao, cái thảm thần đưa

ai là xứ sở, mù cao mù cao, sương mù
mùng che giấu gót chân hồng, tan một
giọt nước mắt long lanh, thành phố đã
là đời, chúng ta trút hơi thở thật lạ lùng.

Thành phố ơi thành phố ơi ta gõ
cửa nhưng cửa đã khép kín muôn đời.
Như thế đấy, tôi một mình trở lại biết
bao nhiêu lần một nơi nào đó, tôi trở lại
chốn cũ chỉ riêng một mình tôi khuất lấp
nhưng chẳng có lần nào tôi tìm thấy lại
được nguyên vẹn thành phố cũ nơi tôi
đã yêu dấu miệt mài khi lớn lên đã tràn
trề nghĩa địa. Thôi đã hết, thành phố một
đêm tháng giêng cỏ mọc không cao bằng
năm mồi. Thành phố, tại sao lại phải gọi
nó bằng hai tiếng đó, khi trở lại chỉ trơ
trọi những quán trọ bên đường? Thành
phố là gì? Là phù hoa đô hội là xe ngựa
học trò là xuân xanh mắt biếc vân vân và
vân vân những điều anh đã biết. Thành

phố chỉ đúng gọi là thành phố khi người ta còn trẻ bắt đầu yêu đương và sửa soạn, tuyệt vọng.

Chỉ có những người trẻ tuổi mới có quyền với thành phố, họ nhắc nhở nó và đùm bọc nó, lang thang quanh quẩn ôm thành phố ngủ vùi những ngày thơ mộng. Có nghĩa là thành phố là của tư hữu của tuổi trẻ. Nhưng bây giờ, những nửa đêm dăm cửa trở lại đó, làm sao có thể gọi cái nơi đó là thành phố? Thí dụ tôi không hạnh phúc và tôi nhất quyết không muốn gọi nơi đó là thành phố. Nghe nó không u buồn chút nào. Mà tôi gọi nó, cái chỗ ấy, cái giây phút đó, cái khả thể đó, tâm trạng đó, nỗi xúc động đó, cái điều đó thành phố ấy bằng một chữ khác: Phố Thị.

Vâng, là Phố Thị. Hơn thế nữa, là Phố Thị Đìu Hiu. Anh có nghe thấy không,

ôi cái tiếng nghe ngậm ngùi hắt hiu biết chừng nào, chúng ta gọi tên một nỗi thầm kín hư huyền và chúng ta âm thầm mộng tưởng lại những mùa thanh xuân nào đã chết : “Chiều hôm phố thị, Em ngồi đếm lá bay chơi. Đèn khuya phố thị. Sao sáng ở xưa trên đôi cây rung. (Mưa. Nguồn: Chiều Hôm Phố Thị). Làm thế nào để có thể tìm ra được một cái chữ ngậm ngùi trầm thống đến thế? Nếu người ta không, không làm gì? Không buồn. Bởi vì Phố Thị là một thành phố trong một thành phố, cái thành phố kề cận một nỗi niềm mất trí nhớ, là thành phố của những người tuổi đã không còn trẻ mãi với bóng hồng bay ngang đảo điên điên đảo một trái đất tròn, quay tròn. Ít nhất trong đời mỗi người thế nào cũng có một lần chợt nhiên người ta hội ngộ điều hiu cùng Phố Thị, vì bỗng bâng khuâng ngó mông ra ngoài kia, sóng xô dạt dào, chim

bay về núi, khói chiều mênh mông, Phố Thị bỗng xuất hiện thật phũ phàng, bóng ma lướt qua những thềm sương mù đỏ, Phố Thị được khám phá ra mà trong lòng ngại ngùng xiết bao, không dám hé môi cười, chẳng thể đưa tay chào, ta giận dữ đập tan dư ảnh mà Phố Thị muôn đời vẫn là Phố Thị Đìu Hiu. Tại sao Phố Thị lại phải mang một định mệnh Đìu Hiu? Bởi vì ở đó chỉ cư ngụ những kẻ lạc đường, bọn người mất quê hương và không còn Thành Phố. Hãy nhìn mà xem, xế bên kia mái tóc bạc của anh, trên những nét nhăn nheo của khuôn mặt cũ, tuổi già xế bóng, nụ cười héo hợt, có thấy không ở đằng sau lưng anh, quanh quần đùi đây, chồn vờn trước mặt, một đôi mắt nhìn ta buồn rười rượi, đôi mắt đựng cả triệu mùa ăn năn, sầu thảm như mùa đông hai mươi tuổi, não nùng như kẻ tự sát đập vỡ cung đàn, đôi mắt đỏ hoe không nói

nặng mà lệ cứ chảy vu vơ, anh có thấy không cái nhìn nặng trĩu quầng mắt đen đậm suốt qua một thời tuổi trẻ.

Phố Thị đó, Phố Thị Đìu Hiu nó đến đây từ phía bên kia đời anh mặt mày buồn xo ủ rũ tang thương, ngậm ngùi, hối tiếc. Chúng ta la hét vô vọng một mình không tiếng tăm, PHỐ THỊ Đìu Hiu đó, nó làm đời ta lênh láng những nước mưa buồn trong mùi cây khô cỏ úa một mùa ẩm mục: “Mình tôi với tuyết non cao. Với cồn phố tỉnh buốt vào xương da”. Phố Thị Đìu Hiu, đó là một chữ dùng kỳ diệu của người thi sĩ đã làm tôi đuối sức vì nó, đó là một kinh nghiệm sống dẫu dằng đau thương, một kinh nghiệm về thành phố tài tình tột độ, thứ kinh nghiệm siêu hình kinh khủng và thơ mộng không cùng. Của mỗi đời người đã đến và đã ra

đi. Cho nên Phố Thị mà Đìu Hiu ấy cũng là lẽ đương nhiên.

Vì thế đọc thơ của thi sĩ cũng là một cách xin chào Phố Thị để lên đường Đìu Hiu vậy.

Thế là giờ của Phố Thị đã điểm. Đây Phố Thị một chiều đi lêu bêu trên đường, với tay lên trời đuổi mây trắng mây xanh về ngàn, đập vỡ nát một chiếc lá khô, ném cánh hoa xuống dòng sông, mộng tưởng lặn mất tăm ta bồi hồi, có cái gì vừa chết trong tôi: “Người tay với bắt hờ bông phượng đỏ. Người phố xanh lá cây rụng vô chừng”. Bỗng dưng Phố Thị ủa về tràn lan trong mình mấy châu thân, mạch máu bùng bùng, ta rên xiết đau thương, đường tơ đã đứt, ngổn ngang tâm sự, bây giờ ngút trong cơn mê chỉ còn là dáng buồn em nghe

những âm xưa, chia tay chốn này ta lên đường tương tư mãi mãi: “Bóng trắng xa bay em về sẽ thấy. Cuối phương ngàn rừng núi mộng trong sương. Dòng sông đục dòng xưa sông sóng dậy. Nghe triền miên nước nở lệ lên đường” (MN: Người Đi Đâu). Phố Thị hôm nay, Phố Thị hôm qua, Phố Thị hôm mai trú mưa dầm dề đầm đìa xuống trên mặt mày lem luốt chúng ta, bọn con gái con trai mộng tưởng còn hơn giấc mộng, giấc mộng đó nghe ra bồi bồi trong tâm tâm động vô cùng, tâm động vô cùng những đời trai son sắc: “Mơ màng dựng bóng lên vai. Nghiêng mình đất quanh đời trai xin chào”. Tội nghiệp những đời trai chúng ta, đời trai mười hai bến nước trong nhờ đục chịu có khác chi đâu. Bỏ cái đời trai xuống khỏi vai mà ngó lại tình xưa, anh sẽ thấy một điều là ô hay đàn bướm qua đời, thì ra bông phượng một đời tàn phai. Điều

đó có nghĩa là: thì ra con gái một đời tàn phai. Và đây mạnh cái lẽ Tôn Sinh đó bước thêm một bước đoạn trường nữa thì là: thì ra Phố Thị một đời tàn phai vậy. Đó chính là hình ảnh Phố Thị điêu đứng đảo điên trên hai bình diện tư tưởng căn bản: bình diện sinh (hoạt) thể (hiện sinh) và bình diện tính thờ (hữu thể) - Pianontique, Planontologique. Vậy tính thể của Phố Thị là gì? Phố Thị là gì?

Xin thưa: “Máu se tàn lạnh điệu chào,
Trên đầu phố lạ vẽ màu quê chung”. Phố Thị là đứa con hoang của Thành Phố, nó cũng là một thứ quê hương, quê hương của những đứa con hoang, bọn du tử du mục du côn du kê du lai du khứ ngược đời, lũ du đãng ngỗ nghịch một sớm mai phản bội dứt áo ra đi rồi một sớm mai hối hận quay trở lại truy tìm tông tích một Quê Nhà yêu dấu cũ. Nơi đâu? Nơi

Phố Thị Đù Hiu, nơi Cổ Quận mịt mù, nơi Hương Quan chập chờn bóng nhận, nơi Cổ Quốc mây trắng, theo đàn..., làm sao về được nơi đó, chốn quê hương nghìn đời ấp ủ một vết thương, làm sao đưa tôi tới đó, vùng kỷ niệm một đời yên nghỉ, làm sao cho tôi về lại trên bậc thềm nhà cũ nhìn trong sân hoa đào nở mà chợt nhớ ngày sau sẽ cưới em tình cờ? Anh không nghe thấy sao trên đỉnh trời mù một tiếng gọi đầm ấm của mùa xuân sau, anh không nghe thấy sao từ ngoài biên ải vó ngựa chạy xôn xao một tiếng gọi thân tình về trong ly rượu dâng màu mắt ai, không nghe thấy chẳng nơi con chim nhận kêu thương buổi tàn thu một tiếng gọi sâu thẳm của cội thông già đón bóng mặt trời? (Chim xa bầu còn thương cây nhớ cội...)? Nếu nghe thấy tiếng gọi đó lập tức anh sẽ sửa soạn để lên đường ngày mai, lúc rạng đông vừa chớm, non

cao còn mù chim chóc chưa thức dậy, sẽ lên đường khi muôn thú còn say ngủ và lá cây còn bịn rịn sương khuya, phút vinh quang là đó trong khí lạnh những đời người cô quạnh chúng ta đối diện với Phố Thị dựng đứng lên tịch mịch hư không. Chân lý của Phố Thị là như vậy: Tìm về Phố Thị lên đường Đâu Hiu (Dasein - Logos Heimat.).

Hãy bám lấy Phố Thị mà sống, đi đứng trên đó, ăn nơi đó và sống chết từ đó, nếu không, lỡ đánh mất Phố Thị chúng ta sẽ ngất ngư, lão đảo bước liều xiêu dạt dình vì mặt đất bỗng thụt lùi dưới gót, sa cơ thất thế hụt chân một cái bầu trời rớt xuống đè nghẹt thở bơ vơ. Vì vậy mà cả tư tưởng, thi ca, triết lý, văn chương, tất cả thấy đều rủ rê nhau dẫn bước lên đường tìm về Phố Thị, tìm đến Cố Quốc, tìm vào Cố Quận. Đó là sinh

mệnh tối hậu của tất cả, tư tưởng, thi ca, triết lý, văn chương, bởi vì: ... “Cái tiếng Cổ Quận, Hương Quan phải có nghĩa: Hoài vọng Về Nguồn, bảo tồn Kỷ Niệm, không chối bỏ, không lãng quên... không để cho cái Cổ Quận trở thành cái Vô Hương Quan, không để cái nào động hoạt tồn vùi chôn Vĩnh thế” (Tư Tưởng Hiện Đại, tập 1, tr. 76).

Phổ Thị, tôi đã trở về một ngày nhiều
 nhường, sủng nổ trước nhà thờ, quả
 bom rơi lơ lửng trên dòng sông, mẹ già
 cầm lon gạo đầm máu, em thơ thất thểu
 đi lật mặt thi thể anh trai, qua sông bước
 xuống bến, đò tan nát mộng, sân trường
 cũ ngổn ngang mộ địa, nhân sinh trôi
 nổi những tử thi, muôn vằn nẻo quanh
 co phơi đầy xác chết, cây khô lá úa loạn
 trí trong công viên, bầy chim sẻ đảo điên
 vì thế sự, trên bờ nước cạn hồi hộp tâm

cang, con sóng nào chẳng thể an tâm, loài rêu đen kỳ dị, phiến đá mòn năm canh, giọt lệ máu, ngăn mắt buồn, chiếc cầu ở trước mặt, chiếc cầu trắng, chiếc cầu đã gãy, chiếc cầu trắng đã gãy rồi sao không đưa tay em cho anh vịn tĩnh đêm tàn sống dậy bến tình quên... Phố Thị đó, tôi đã trở về một ngày mê man, nghe rơi vọng âm u từng hồi chuông ngân trong lòng rộng bờ vờ. Hỏi rằng hỏi Phố Thị, có dư nước mắt không để khóc người đời nay?

Có còn không, trên cõi đời này, một người nào còn muốn uống nước sông Hằng xa diệu vợi?

Văn chương Bùi Giáng là một nỗ lực giải quyết và thực hiện tư tưởng triết lý tồn sinh một cách sống động và thơ mộng.

GÁI CHIÊM BAO

Ba người con gái chiêm bao ở bờ cỏ Phi Châu Gái chiêm bao thật ư? Mà chiêm bao gì quái đản đến thế? Hỡi những nàng con gái da đen đẹp đẽ ra sao, thơ mộng thế nào, làm sao tôi biết được, thật tình tôi không biết (Thưa rằng tôi không biết). Quả nhiên con gái chiêm bao thật dị thường. Bởi vì kẻ thường nhân chẳng thể chiêm bao được giống như người thi sĩ. Mà người thi sĩ thì mê gái tới bờ, gái mọi gái rừng gái rú gái đầu truông gái cuối truông gái trên đèo gái dưới đèo gái bên bờ nương gái lục tỉnh gái bờ cỏ vân vân và vân vân gái nhiều vô kể, biết bao nhiêu con gái trên cõi thế gian này đã rụng như lá mùa thu, biết bao nhiêu con gái trong chốn đoạn trường này đã bay tới tả trên mùng mền chăn chiếu, quơ

tay ra trước mặt chụp lấy mảnh hồng quần, mảnh hồng quần tan hoang, vì đâu, con mắt tình đuổi mộng, trái tim tình xôn xao, vườn chiêm bao đưa con gái về gần, người thổn thức ướm đầm đìa giấc mộng: “Ôi Trang ơi! Ôi Trang là chi vậy? Tờ mộng xiêm hồng Trang biên biệt cuối trời Tây tuyết. Ta lắc đầu, gục mặt, nghe tóc trời đầy mộng xuống lao xao”. (TTHĐ, tập 1, tr, 190 Đây là một đoạn văn hay đáng liệt vào hàng quốc tế). Trong tác phẩm bất cứ tác phẩm nào nơi đây đàn bà con gái cứ mê mãi đi đi về về chẳng chút buông tha, bất kể ngày giờ không bận tâm là thực hay mộng, chân hay giả, cũng không phân biệt đẳng cấp, quốc tịch, dòng giống, giai cấp, tuổi tác, thời gian, không gian, đúng là một gã tình nhân tổng hợp trứ danh, một người tình quốc tế, kẻ mê gái vô địch thế giới: “Nàng là nàng Thơ nàng Thúy nàng

Dương nàng Hà nàng Thái Chân Thập Mỹ, Chí Thiện, Từ Bi, nàng Tôn Lý nàng Tự Do, gọi nàng là gì cũng được (Sương Tỳ Hải, tr. 11). Than ôi ! Thì ra người thi sĩ mê gái chẳng như kẻ thường nhân mê gái. Khổng Tử nói: Yêu thì nói yêu, không yêu thì nói là không yêu, chính là yêu vậy. (1) Chí lý lắm thay, tại sao ba người con gái ở bờ cỏ Phi Châu lại về đây giữa trận chiêm bao bởi bởi: “Em về bữa rộng chiêm bao. Buồn sông bóng mạ chìm sâu bên going” (MN: Sầu Ca Sĩ) Sống mà không mê gái thì làm sao sống nổi phải không?

Mê gái là cả một vấn đề siêu hình ác liệt. Phải đặt nó cho đúng bình diện sinh tồn và suy tưởng. Mà hỏi rằng, trước hết: Gái là gì?

Một câu hỏi làm tê liệt tay chân, bại hoại thân thể, hiểm nguy chết người,

một câu hỏi xui da thịt trở mình éo le, khiến đầu óc bần thần đi về gợi cảm, cái câu hỏi làm bể tan bầu tâm sự của muôn người, banh xác lũ đàn ông, gây đảo điên chiến trường, tạo nên sự gay cấn giữa đám nhân loại đa tình. Tính thể của Gái là gì? Căn cơ của Gái ở đâu? Quê Hương của Gái chốn nào? Nguyễn Du nói : “Hong nhan bạc mệnh...” Tại sao? Làm sao tôi biết được, thực tình tôi không biết (Thưa rằng tôi không biết): “Là Chiêu Quân chết ở xứ Hồ, là Thập Nương Vàng. Riêng Đỗ Thập Nương, và riêng Desdemona, và riêng Tess of d'Urbervilles là hình ảnh điêu linh nhất ta gọi về. Tại sao? Vì họ là những má hong bạc mệnh nhất. Hơn ta.” (TTHĐ, tập 1, tr. 204). Nghĩa là ông cũng có điêu linh, cũng là bạc mệnh nhưng chỉ điêu linh chút đỉnh, bạc mệnh lai rai đôi ba lần thôi phải chăng? Như thế đã rõ tính sử

của Gái vốn là điều linh, bạc mệnh.

Điều đó có nghĩa là điều linh là điều linh, bạc mệnh là bạc mệnh. Giải quyết xong vấn đề Gái chúng ta đi qua vấn đề Mê Gái, đặt một câu hỏi khác: Mê Gái là gì? Một câu hỏi ồ ạt nguy nan, nó gieo rắc tang thương, nó tàn phá dã man, hăm dọa âm âm, nó tấn công xương máu chúng ta, nó cạn lảng tươi rời. Vì cái câu hỏi đó gắn liền với căn cơ thời đại, với tư tưởng với triết lý hiện đại. Giải quyết vấn đề Mê Gái cũng đồng thời là giải quyết vấn đề tồn tại của Luận Lý Học Tây Phương: “Thà cam lòng thờ phượng Brigitte, sùng phụng Bardot, chui đầu vào tà xiêm Monroe để nằm nghỉ, hơn là phải đi đứng thức tỉnh tự do trong cái bầu khí hậu gớm guốc kia” (Đi Vào, Cõi Thơ, tr. 22). Vì thế Mê Gái bao hàm cả một triết lý tồn sinh sôi nổi, nó bày tỏ

một ý thức sáng suốt sâu xa, nó thể hiện một căn bản tư tưởng quyết liệt. Chắc hẳn kẻ thường nhân phải hải hùng xiết bao trước cái thể điệu Mê Gái ly kỳ kinh khủng này. Hãy đặt vấn đề Mê Gái trên nhiều bình diện để đừng gán cho thi sĩ cái trọng tội ái tình vô trật tự. Nếu không, làm sao ta có thể gọi về được nơi đây những nàng con gái chiêm bao ở bờ cỏ Phi Châu? Để trong giấc mộng, ta yêu em đến chết.

Có còn không, trong cõi đời này, một người nào còn muốn tắm nước sông Nghi trần truồng với một người con gái chiêm bao?

Hình ảnh văn chương trong tác phẩm Bùi Giáng đòi hỏi phải được đọc rõ trong cái ý nghĩa biểu tượng phong phú của nó, trên những bình diện tư tưởng khác nhau.

ĐUÔI ƯƠI

“Đi vào cảnh giới si mê

Gọi đuôi ươi dậy nhẹ răng ra cười

(Sa Mạc Trường Ca: Nhe Răng U Buồn)

Đuôi ươi là gì? Cái gì mà lại là đi về giữ áo đuôi ươi? Nghe nó quái gở điều linh như vậy? Có thể chúng ta chẳng hiểu được đuôi ươi là cái quái gì cả nhưng thú thật phải chăng cái chữ đó (Giữ áo đuôi ươi) nghe ra thật thơ mộng và kỳ bí kinh khủng. Hỡi Đuôi ươi, ngươi là gì: “Tối giờ nào mới chịu đi về giữ áo đuôi ươi? (ĐVCT, tr. 22) Bao giờ? Hỡi những người quân tử áo điều rách vai, hỡi những chú lái khò thời đại, hỡi những tên ma giáo hôm nay, quý vị biết gì về đuôi ươi? Đuôi Ươi, nó giống như khỉ đột, mặt mũi vêu

vao coi rất ngộ nghĩnh, tay chân dài khoảng chồn vờn chồn vờn, có cái bộ đi dập dềnh dập dềnh như giấc mộng và đặc biệt nó có cái tài nghệ rất trầm thống là biểu diễn một điệu nhe răng ra cười ngất một hồi liên tu bất tận, cười cho đến khi mặt trời lặn mới thôi, cười ằng ặc như chưa bao giờ được cười đến thế trông rất ngoạn mục bồi hồi. Đười Ươi thì chẳng bao giờ về thành phố cả, nó chê văn minh, nó cóc cần khoa học mà chỉ chuyên môn ở trong rừng trèo đèo lặn suối, để làm những trò bậy bạ rất chịu chơi với các bậc hồng quần.

Tóm lại, Đười Ươi xét trên bình diện Sinh vật học đại khái nó là như vậy nghĩa là một giống gà điên gà tàng lông lá xum xuê và hài hước hết sức. Xét trên bình diện Siêu Hình thì Đười Ươi thuộc vào giống loại thô lỗ nguyên chất, vũ phu cực

độ mà cũng ngây thơ không ai bằng, tâm hồn thì đa cảm lai láng mà hình dong thì trong trắng nguyên tuyền, trí tuệ Đuôi Ươi phiêu lãng một cách phi luân lý mà phong độ luyện ái thì trữ tình số một. Đó hình ảnh Đuôi Ươi, con người Tiên Sử chưa đánh mất tính thể nguyên thủy. Hãy trở về với Đuôi Ươi, hãy học tập làm Đuôi Ươi, hãy lên đường tìm kiếm Đuôi Ươi. Trên Con Đường Đuôi Ươi. Đó là kinh nghiệm Người Rừng, những kẻ đang trên đường hóa thân thành mọi, những người khao khát một quê hương tinh thần ban sơ, những kẻ tận tụy về Nguồn để chỉnh đốn cái nhân tính của mình.

Về Nguồn. Ở đó chúng ta có được hết thảy những đặc quyền tuyệt đối, những tội lỗi tự nhiên và những hạnh phúc không lừa dối, yêu đương không

ngại ngục và ân ái không e thẹn, có cả tự do lẫn vô hạn. Người Rừng chính là những kẻ phiêu lãng phiêu bông tối thượng nhất trên thế giới, những kẻ cợt đùa trên đạo đức nhân sinh, chà đạp luật pháp và công lý nhằm nhí, kẻ nổi loạn đập phá tan tành những gông cùm nô lệ, tên du đảng thương tâm phóng hỏa đốt cháy thành phố một ngày ngậm ngùi, kẻ giác ngộ trầm tư trên đồng tro tàn. Người Rừng chính là một thứ Siêu Nhân hện hò với Đười Ươi từ tiền kiếp. Nhưng Đười Ươi vẫn xinh đẹp tốt tươi hơn Sư Tử bội phần vì Đười Ươi hoạt động thơ mộng hơn, Đười Ươi có dân tộc tính gần gũi với ca dao, nó hài hước vô tâm và phóng túng tài tử rất đa tình, Đười Ươi cũng rất ham mê văn nghệ hôm nay vậy. Thi sĩ, văn sĩ, nghệ sĩ chính là những con Đười Ươi thời đại, những con Đười Ươi thành phố (tương đương với lính

thành phố, sử thành phố...), những con Đười Ơi ngu ngơ lảng vãng sau giờ giới nghiêm làm tên hề vô danh cười ngất ngư một mình trong bóng tối. Vì sao? Khi viết văn tôi thường đùa giỡn pha trò cũng là trong ý đó. Ý riêng với không ưa vui cười mà buộc lòng phải viết văn cười vui đùa nghịch để hợp với tinh thần suy tư Tôn Thể Học (TTHĐ, tập 2, tr. 62). Đó là lý do phát sinh ra thứ ngôn ngữ gọi Đười Ơi: « Tặng vật lai rai gùn ghè gay cấn, Châu châu, Chuồn chuồn, Đế vương một cây, Hoàng Hậu Số Dách, Bù Bê Bối, thi sĩ trung niên, trung niên thi sĩ, Tồn Lê, Tồn Lưu Tồn Lý, Tồn Liền v.v... Một ngôn ngữ Đười Ơi theo đúng cái tinh thần Suy Tư Đười Ơi. Ngôn ngữ đó hình thành từ sự phối hợp vần điệu du dương của thơ lục bát với hỗn tính phóng khoáng tự nhiên của âm hưởng ca dao dân tộc, thêm vào đó là cái tinh túy

ngụ ngôn quốc tế (tiếng Tàu, tiếng Tây, tiếng Anh, tiếng Đức....) được gạn lọc và biến hóa đến một mức độ nhập thần. Đó chính là cái ngôn ngữ độc đáo bắt cầu giữa Tư Tưởng và Thi ca, một dòng văn phá phách hỗn loạn, phóng túng vô hạn, tuôn chảy ào ạt, nó bút phá tới bờ, nó tràn lan cảm hứng làm chấn động chữ nghĩa, làm tan nát ngôn từ.

Viết là khả năng tự do được bày tỏ gián tiếp của con người. Mỗi ngôn ngữ đều có cái lý của nó. Ngôn ngữ này cũng có cái lý của nó dù chính nó đã tự nhận mình là ngoại lý. Cái lý trong hệ thống luận lý hỗn nhiên của đứa trẻ, cái lý trong hệ thống luận lý xung động của bọn người ở ngoài vòng pháp luật hay cái lý trong hệ thống luận lý ly khai của người điên cũng như cái lý trong hệ thống luận lý sáng tạo của kẻ thiên tài, mỗi người

đều có một cái lý riêng tư rất chủ quan và mỗi cái lý như vậy lại có riêng cho nó một ngôn ngữ đặc biệt. Dù cái ngôn ngữ đó mới thoát trông qua có vẻ đùa cợt bề bối hay khôi hài lãng nhãng đến đâu chẳng nữa nó vẫn không bao giờ là một ngôn ngữ phạm tội, vì ý thức và vô trách nhiệm. Bởi vì đó là một ngôn ngữ đầy hậu ý thâm kín, có ý thức sáng suốt và có trách nhiệm với tư tưởng. Người sử dụng ngôn ngữ đó ở đây hiểu biết cặn kẽ về cái ngôn ngữ của mình, làm chủ nó một cách dễ dàng và thừa biết sẽ đẩy nó đi về đâu, với mục đích gì, đạt được kết quả nào : « Sử dụng chỉ ngôn ngữ ngôn trùng ngôn phản ngữ hầu mong đạt tới cõi vô ngôn trong lời... » (TTHĐ, tập 1, Tựa). Hãy cứ xem đó như một thứ ngôn ngữ mới lạ đã có giữa muôn vàn thứ ngôn ngữ khác chưa có, sẽ có đến rồi đi rồi để bất tuyệt giữa mỗi đời người

chúng ta. Người nào muốn nhận lãnh cứ nhận lãnh, người nào muốn từ khước cứ từ khước. Người nào muốn yêu dấu hãy yêu dấu, người nào muốn phủ nhận hãy phủ nhận và người nào muốn lên tiếng thì lên tiếng, người nào muốn im lặng thì im lặng.

Có còn không, trên cõi đời này, một người nào còn muốn cỡi áo quần nháy múa trên đài Vi Vu? Ôi cái đài Vũ Phu cù lần.

Nhà văn nhà thơ Bùi Giáng cốt yếu là một hiện tượng ngôn ngữ độc đáo ngôn ngữ tự thành từ mối đam mê nguồn thơ lục bát (đặc biệt là truyện Kiều) phối hợp với âm điệu ca dao thuần túy dân tộc.

BẤT KHẢ TƯ NGHỊ

TỪ ĐÓ, “Bình diện ngôn ngữ đời khắp mặt (Thúy Vân và Truyện Kiều, tr. 32). Trong ngôn ngữ đó thi ca (tình cảm, xúc động) và Tư Tưởng (lý trí, sự hiểu biết) đã tìm được một thể điệu hội nhập đậm đà, quán quít ràng buộc nhau bất phân ly, cuộc hôn phối đầy vẻ siêu ý thức giữa thơ và ý để phụng sự cho Chân Lý, Cái Vô Ngôn, Tiếng nói Của Sự Im Lặng, một điều gì Bất Khả Tư Nghị. Là thi sĩ không phải chỉ là ru với gió mơ theo trăng và thơ thần cùng mây nhưng là thi sĩ còn có nghĩa là hiến mình cho ngôn ngữ, dẫn thân vì ngôn ngữ, cứu mang ngôn ngữ và xả thân cho ngôn ngữ, đó những thi sĩ những văn sĩ những tư tưởng gia đã liễu lĩnh nhập cuộc trong từng trận ngôn ngữ toi bởi: “Cái đáng kể, là riêng duy

chỉ rằng: Chân lý của Tôn Lưu chịu về trong ngôn ngữ, và tư tưởng chịu đạt tới ngôn ngữ nọ. Ngôn ngữ nào? Là ngôn ngữ tái tạo tân thanh. Là ngôn ngữ thiết lập thịnh triều của ngôn ngữ vô thanh vô tức trong nếp gấp Bất Tư Nghị của Vô Ngôn. Nói một nghìn lời để diu cái không lời về trong cái không nói.” (STH, tr. 16). Kể từ đó mở màn một trận đùa với chữ nghĩa vô tiền khoáng hậu, nghịch ngợm với ngôn từ, phá phách những lời những ý tan hoang, đùa giỡn với thi ca với tư tưởng, triết lý, văn chương, đùa giỡn với người đẹp với kẻ khanh tướng với bọn ma vương, đùa giỡn luôn với cả cổ nhân, thánh hiền, quỷ thần thiên địa — Thư trung hữu nữ nhan như ngọc có nghĩa là thư trung hữu tự nhan như ngọc vậy. Ngôn ngữ như một hạt nhân cứ mỗi ngày sinh sôi nảy nở quỷ quái đa dạng cho đến một lúc nào đập vỡ hạt

nhân ra, chúng ta chợt trực nhận thấy ẩn ngữ trong khoảnh khắc vô cùng. Con tầm nhả tơ xây kén, bướm nhón nhơ đậu xuống rồi bay đi, nhụy hoa thơm bát ngát nhưng động tới tức khắc phấn hương sẽ rụng tàn lả tả. Ngôn ngữ đó, cứ mạnh tay tàn bạo. Nhưng ẩn ngữ kia, xin nhẹ tay nhẹ tay, nhẹ bàn tay nhân gian ơi, nhẹ bàn chân nhân gian ơi — là Dạ Lan Hương vô biên. Ngôn ngữ đó dù có được viết ra hay được đọc lên nhưng nhất thiết nó không dừng lại ở đó, không chấm dứt ở đó nơi những vị trí cố định trong những thể tương giao vật thể, nó còn muốn ham mê và đòi hỏi những gì vượt qua nó, nó còn hàm chứa những ước vọng thoát ly hiện thể để đạt đến hữu thể, nó chống cự thể mà ao ước trừu tượng, nó thúc dục và kêu gọi người đọc lên đường hướng đến những chân trời siêu thể, lao mình về phía bên kia những

vọng âm trầm thống hay hân hoan, nó mở ra những không gian thời gian vô hạn phi luận lý, nó đạo đạt những tính thể thâm kín và thử thách chân lý, mỗi ngôn ngữ như vậy với những ưu điểm và khuyết điểm nương tựa nhau từ đầu tới cuối sẽ mãi mãi liên tục biến dạng và trở thành những khả thể bất ngờ. Đó là ý nghĩa của ẩn ngữ, những chữ tự do đến chết. Đó là trạng thái của ẩn ngữ, sự xuất hiện của những chữ khiếm diện. Đó là định mệnh của ẩn ngữ, mười lăm năm lưu lạc phong trần của những chữ — Đoạn Trường Tân Thanh đó. Ẩn ngữ là gì? “Làm thế nào để đọc ra ẩn ngữ?... Hãy học tập suy tư trong chiêm niệm mơ màng cõi nguồn sâu thẳm cũ». (TTHĐ, tập 1, tr. 322, 323.). Có nghĩa là người ta không đọc ẩn ngữ bằng mắt. Bởi vì đó là thứ ngôn ngữ dùng để nói lên những điều nào không thể nói được, thứ tiếng

nói về một cõi trú lặng thình tuyệt đối, những thanh âm run rẩy khơi dậy một niềm cô tịch hư không, tiếng hét không ai nghe, bài nhạc không ca sĩ, mặt trăng của những người mù. Mới hay ẩn ngữ là thứ ngôn ngữ tham lam và đa đoan thái quá, thứ ngôn ngữ bất mãn với ngay chính nó từ lúc khởi đầu, một loại ngôn ngữ bất bình thường tuyệt đối. Đừng đọc nó với một con mắt bình thường. Nếu không, người ta sẽ thất vọng một cách khó chịu trước những thực thể lì lợm, ngạo mạn và kiên trì một cách khó hiểu, hỗn loạn và bê bối một cách đáng ghét. Thành ra cũng là điều dễ hiểu nếu thứ ngôn ngữ cổ được chấp nhận ở nơi này và bị từ khước ở nơi khác, có khi được chào đón từng bừng, có khi bị quyết liệt phủ nhận. Đó là văn chương là thi ca của một người khám phá ra một mình một ngôn ngữ lạ và đam mê nó miệt mài trên hàng

ngàn trang giấy hàng triệu chữ nghĩa mà vẫn không mỏi mệt, không ngưng nghỉ, không lãng quên, không nản chí, mà vẫn không hài lòng. Bởi vì ẩn ngữ càng tiến tới chân trời khả thể càng lùi xa lùi xa, ngôn ngữ bắt đầu lên đường về nguồn thì con đường cũng khởi sự dài ra vô tận, tiếng nói vừa vang vọng trong không chân lý càng lẫn tránh đến kỳ cùng. Nói một nghìn lời để dìu về một cái không lời thì biết phải nói đến bao nhiêu nghìn lời mới dìu về được đôi ba cái không lời? Làm sao nói hết được, phải rồi, làm sao nói hết được, những điều tôi ước mơ? : “Nói sao hết? Đại dương ngàn năm vỗ sóng. Mặt trời chiếu đỏ xuống đầu tóc vạn đại của mọi người.” (TTHD, tập 1, tr. 190).

Phải rồi, làm sao nói được, những điều tôi ước mong, đến bao giờ, làm sao

tôi nói được? Đạo khả đạo... Danh khả danh... Thi sĩ là người đam mê ẩn ngữ, vui buồn trong ẩn ngữ, lẩn lóc mê toi vì ẩn ngữ, đó là kẻ làm thăng hoa ngôn ngữ bằng những ẩn ngữ. Nhưng sự thực như, hôn phối cùng ẩn ngữ thế nào? Sự thực là những lời nói, nó hiện ra như một điều bất khả đầy rẫy giữa chúng ta, lời nói ở đó, dài dòng và bất tận, lời nói trước mắt chúng ta, trên trang giấy, dưới ngòi bút tràn lan không bao giờ hết từ nơi này qua nơi khác, từ tác phẩm đầu đến tác phẩm cuối, văn chương thi ca chứa chấp muôn vàn lời nói tưởng không bao giờ dứt được. Sự thực là vậy: Một tác giả đã nói, đã viết quá nhiều, một tác giả có quá nhiều tác phẩm, một tác giả không bao giờ thực sự chấm dứt sự nói của mình cho dù đó là một sự nói về những điều không thể nói được. “Ngôn bất tận ý”, chỉ nội cái việc nói hay viết ra câu đó thôi

cũng đã chứng tỏ cái sự nghịch lý đoạn trường của nó, cái vòng lẩn quẩn nửa đen nửa trắng, con đường tròn ngược xuôi xuôi ngược trên đầu ngòi bút. Thà là cứ nói rằng tôi phải nói còn hơn là nói rằng tôi không nói. Đó là sự chọn lựa tất nhiên đã lỡ làng của thi sĩ văn nhân. Nói nói miên man vô tận cho đến khi lẫn lộn cả tiếng người với tiếng muôn thú, lên tiếng hoài hoài trên mặt trái đất đầy tiếng động, gào thét như lúc nào cũng là lúc sắp sửa lìa đời, than van rờn rã trong cùng tận đêm thâu, kêu gọi liên miên cho đến khi tắt thở – Nói : những đày huyết tối mù mở sâu mở sâu mãi mãi trên đầu môi, tiếng đồng la khua âm u trong cơn gió bập bùng xua đuổi những âm vang rờn rã, đóm lửa tro khi tỏ khi mờ hơi thở hụt khi dài khi ngắn, anh sẽ hấp hối vì nói, trà khan giọng tịnh là vì đó, hãy lắng nghe những cung đàn bạc mệnh, nơi đó

chúng ta vọng lên từ dưới sâu và không ai nghe thấy, có ai nghe thấy không, tôi nói. Sự nghịch lý buồn cười của người anh hùng ngôn ngữ Nói Không Được, hẳn nói: Nói không được là nói không được! (Kim Dung: CGDL.). Thi sĩ công nhận sự hiện hữu của những điều Bất Khả Tư Nghị với mọi người, bằng lời nói. Và thi sĩ xác định sự im lặng tất nhiên trên thế gian, qua ngôn ngữ. Sự nghịch lý đương nhiên của thi sĩ. Tất cả những người đó đều có dáng dấp của nhà tiên tri quyết định xuống núi một đêm kia và ngủ lại trong thành phố, giữa đám đông, mang theo bên mình một ngôn ngữ, một ngôn ngữ mới tinh, lạ thường và kỳ dị, một ngôn ngữ chứa chấp toàn sự hiểm nguy cho bản thân. Họ đi kiến tạo ngôn ngữ và gieo rắc ngôn ngữ, những mầm nõi hồi sinh toàn diện trên cơ thể bạc nhược của thế gian; họ đi xây dựng những ý

những lời, reo vang dòng suối nhỏ chảy xuôi về nguồn tư tưởng; họ đi sáng tạo một thông điệp tân kỳ khởi đầu một kỷ nguyên mới, từ đó nhân loại đổi tiếng nói ra thành tiếng nói. Đó là phép lập ngôn chống lại những thế kỷ sa đọa. Trước đó, không có ngôn ngữ. Chỉ có những tiếng sai nghĩa, những lời lạc điệu, những âm không đúng giọng. Bây giờ mới có ngôn ngữ. Những ngôn ngữ bắt đầu chống lại những ngôn ngữ. Những ngôn ngữ rụi tàn tan hoang và những ngôn ngữ tân sinh rạng rỡ. Những ngôn ngữ tìm đến cư ngụ giữa loài người và những ngôn ngữ rũ áo ra đi.

Những ngôn ngữ suy đồi và những ngôn ngữ dựng cờ khởi nghĩa. Giờ lập ngôn đã điểm. Hãy nói đi, hãy nói thêm đi, hãy tiếp tục nói nữa đi, hỡi những kẻ tuần đạo cho ngôn ngữ. Ông ta (thi sĩ)

xuất hiện từ một góc phố nào đó, đứng trên đại lộ hay ngồi dưới bóng cây, bước vào đền thờ hay lạc ngoài sa mạc và ông ta khởi sự nói, viết, kể.

Mãi mãi, không dứt. Xuất bản hàng chục cuốn sách. Tàn phá hàng ngàn trang giấy. Giữa mòn hàng triệu những chữ những nghĩa. La hét vô vọng và cười cợt đau lòng. Uất hận rồi bì thương. Cảm thán rồi hân hoan. Vui tươi từng bùng và xót xa ứa lệ. Tất cả đều ở trên trang giấy, có đủ các món ăn chơi đủ các lớp đoạn trường đủ các màn ảo hóa cũng chỉ ở trên trang giấy. Khóc cười cũng ở đó, ân ái cũng ở đó, sống chết cũng ở đó, run rẩy phụng thờ, cuồng mê túy tửu đều ở đó, cả hơi thở lẫn máu xương và nước mắt đều bê bối nhòe nhoẹt ở đó, trên trang giấy. Đó là văn chương. Văn chương của sự thực của một tác giả không biết giấu

giếm bất cứ một tội tình hay hạnh phúc nào cho riêng mình. Người ta gọi thái độ văn chương đó là một thái độ chủ quan, cực kỳ chủ quan: “Nếu muốn khách quan vô tư tuyệt đối thì em là nhà khoa học chứ không phải là nhà văn. Tinh thần khách quan chân chính ở địa hạt văn chương bao giờ cũng dựa trên niềm thiên ái rất chủ quan”. (Giảng Luận về Chu Mạnh Trinh, tr. 181). Đó là một thứ văn chương ly khai hẳn với văn chương trên một bình diện vì chính cái thái độ chọn lựa của nó vì chính cái tư tưởng bên trong, vì chính cái ngôn ngữ bên ngoài của nó. Một thứ văn chương như vậy tất nhiên phải rất kén chọn độc giả, những đối tượng cảm nhận phải đồng hội đồng thuyền, cùng lưu lạc bên một góc trời lặn đạn, cùng một nỗi tình vốn có phong độ rất tài tử. Bởi thế mà ở nơi đây ông là thiên tài nhưng ở nơi sát ván.

Nhưng điều quan trọng khác ông bị hạ bệ vẫn là thử hỏi có còn ai chịu khó lắng nghe ông ta không, kẻ đã mang một định mệnh lập ngôn khắc khoải điều linh đến kỳ cùng? Trên bình diện tư tưởng đó là một người tình điều linh, trên bình diện ngôn ngữ đó là một tay chơi chữ điều linh và trên bình diện văn chương đó là một tác giả điều linh. Có nghĩa là điều linh là điều linh, không thêm không bớt một chữ nào.

Người thi sĩ đó cuối cùng chỉ còn lại ngôn ngữ mình là cái đáng kể nhất bởi vì chính những tư tưởng thông thái cả năm châu bốn bể đó ông vẫn không tự nhận là của mình. Cuối cùng vẫn chỉ có cái ngôn ngữ ly kỳ gay cấn đó là còn tồn tại trong khi ba cái mớ tư tưởng kia ngày nay người ta đã buôn bán bày hàng quá nhiều rồi. Ngôn ngữ đó bây giờ, nó đã đi

tới đâu với cái tham vọng của nó? (“Trên bình diện mê gái, ngôn ngữ đạt. Trên bình diện tư tưởng cũng đạt. Trên bình diện chơi chữ cũng đạt luôn” - Thúy Vân, tr. 5.). Ngôn ngữ đến rồi ngôn ngữ đi, ngôn ngữ đi rồi ngôn ngữ đến. Không cần phải quan trọng hóa cái ngôn ngữ đó quá mức dù cho đó là một ngôn ngữ dùng để nói về chính nó nhiều hơn tất cả mọi sự khác. Bởi vì một mình nó, ngôn ngữ ấy, không sao tự nó chứng tỏ được rằng ngôn ngữ đã thực sự chấm dứt khi mà chính nó vẫn chưa thể tự mình chấm dứt (lấy mình). Đó là một ngôn ngữ nghĩa là một ngôn ngữ hiện diện trong muôn vàn thứ ngôn ngữ khác nào ai biết được ngày sau sẽ ra sao. Nó đến rồi nó đi. Nó đã rồi nó đến. Nhân sinh là thế ấy, như bóng đèn, như mây nổi, như gió thổi, như chiêm bao..., người xưa đã nói mà trăm năm sau cả ngàn năm sau người

này cũng vẫn còn nói. Nói. Nói. Nói. Nói mãi nói hoài. (Tôi bắt đầu chán ông ta rồi). Hỡi ôi! Im lặng hay không im lặng, vì đâu nên nỗi?

Có còn không, trên cõi đời này, một người còn muốn tìm đến đứng trên bờ sông Dịch mà nhìn nước chảy đêm ngày không ngơi nghỉ?

Bùi Giáng là một tác giả thành công và thất bại không đồng đều trước người đọc: đối với một số người nào đó ông là một thần tượng vĩ đại, đối với một số người khác ông là một hiện tượng văn chương lập dị khó chịu, và đối với một vài người nào đó, ông là một cái gì đã qua, đã hết, đã làm xong, đã thực sự chấm dứt kể từ đây.

TẠI HẠ

*Tuy nhiên tại hạ một hôm
Nằm nghe tâm sự báo hàm ly tâm.*

(Biển Đông Xe Cát, tr. 61,)

TẠI HẠ, nghĩa là gì? Đó là một danh từ kiếm hiệp. Danh xưng của một chàng kiếm hiệp trong lịch sử võ lâm bốn bể, tay anh hùng giang hồ vùng vẫy một phương trời bão loạn. Con người đã nặng mang trong mình bao nỗi tai kiếp võ lâm, dẫn mình vào chốn gió tanh mưa máu để trả vay vay trả những món nợ ân nghĩa nhân sinh dưới gầm trời bão lửa. “Tại Hạ”, đó là kẻ đang trên đường tìm đến một Chân lý tuyệt tình cốc. Xin mở ngõ những chân trời kiếm hiệp và gọi về đây những ngôn ngữ kiếm hiệp: “Các hạ từ đâu Phụng tuyệt ma. Quần yêu phương

lộng bão sơn tà” (SMCT: Ngẫu Nhiên). “Thân người như thể thân ma. Giáo công từ tạ thân ra chiến trường” (Người Ta) – “Thân còn như thể thân rơi. Một đêm mưa trút xuống đời cuồng điên” (Ồi Ồi). Tôi vẫn luôn luôn có cái cảm tưởng rằng cái con người kiếm hiệp đó sẽ chết, phải chết. Một người như “Tại Hạ” thế nào cũng chết, sẽ chết, phải chết, đó là lẽ đương nhiên. Chết như Tiêu Phong đã tự sát bên bờ vực thẳm, Du Thủ Chi đã mù lòa thê thảm như Đông Phương Bất Bại đã loạn thần tráo trở đến cả hình hài xương máu. Đó là định mệnh không tránh khỏi của bọn người võ lâm hành hiệp tơi bời, những kẻ đã lấy chuyện thiên hạ làm chuyện riêng tư, mượn tâm sự của thế nhân làm tâm sự của mình, quên đời tư để đi gánh vác việc công, bỏ bản thân mà tìm vui trong cuộc đấu, những kẻ chuyên mua bán sinh mệnh

con người trên đầu ngọn gươm, chuốc vào thân những tội lỗi tà trời và gọi đó là công phu hành đạo, những người mang nghiệp kiếm cung đùa ngọn sóng, cướp đoạt lẽ tử sinh, lấy đôi ba thế võ lai rai tay yếu chân mềm đòi giỡn mặt tử thần. Chắc chắn cái con người kiếm hiệp đó sẽ chết, phải chết để chấm dứt một tai kiếp võ lâm và khởi sự mở màn một tai kiếp võ lâm khác thì ngôn ngữ kiếm hiệp mới có cơ thành tựu được. Phải chăng? : « Cái chết cái sống của Tiêu Phong là chốn quy hợp dị thường của mọi lão đảo thị phi. Cuộc đời Tiêu Phong là cuộc đời kẻ anh hùng hiếu theo nghĩa: Một tại thể bát ngát đứng ra làm trụ sở cho sa mạc về mở cuộc tranh chấp và hội đàm với Tôn Lưu (TV., tr. 89). Con người kiếm hiệp sẽ chết, phải chết vì đó là một món nợ giang hồ tối hậu mà hẳn phải trả sau khi đã dồn hết máu huyết xương thịt thể phách

tinh anh mình vào cuộc lẫn lóc mê tơi đổ quán xiêu đình. Trong hồi tàn cuộc đó, trên bãi chiến trường đã vắng tiếng đao kiếm, thầy người đã đổ hết, máu người đã cạn dòng, trong chốn huyết cốc sâu thẳm âm u khí lạnh rịn trên vách đá rêu phong ẩm ướt gió từ đỉnh cao ù ù thổi tới, rừng cây xao động tả tơi, chim kêu vượn hú nhớ thương đứt ruột, khi tất cả mọi võ đài đã bị xô sập tan hoang, tất cả thần linh đã vùi chôn dưới đá núi, tất cả mọi bí kíp võ lâm đều đã cháy rụi tro tàn, khi bao nhiêu tinh anh khí chất đã phát tiết ròng rã, bao nhiêu anh hoa đã đắm địa tuôn chảy cạn dòng, hơi đã tàn sức đã mỏi khi đó chắc chắn những con người kiếm hiệp sẽ mệnh chung vĩnh viễn. Khi đó Tại Hạ, sẽ chết, phải chết. Bởi vì... Thế nào là anh hoa phơi mở đầm địa của trọn một đời người? Thế nào là tinh anh rạo rực giữa lòng sự sống? Thế nào là sa mạc

phát tiết bùng bùng trong chốn hư không? Cái câu “Anh hoa phát tiết ra ngoài, nghìn thu...” thật là một câu sấm truyền quá sức độc ác, quá đổi điêu linh, vô cùng tàn nhẫn. Chính cái câu đó sẽ tàn hại Tàì Hạ. Thử nhìn mà xem: “Em về giữ áo mù sa. Trút quần phong nhụy cho tà huy phai” (BĐXC, tr. 142). Rõ ràng anh hoa của “TÀì HẠ” đã tuôn trào không còn chặn lại được, tinh anh của “Tàì Hạ” còn có giữ lại một một chút gì đâu, sa mạc của Tàì Hạ, đã phát tiết ráo riết tới bởi quá rồi, tính thể của Tàì Hạ, đang chờ đợi một giờ khô héo, khí chất của “Tàì Hạ” sẽ tan nát đầm đìa, tinh lực của Tàì Hạ sẽ tiêu ma tẩu tán. Thân bại danh liệt, “Tàì Hạ” sẽ chết, phải chết. Thân tàn ma dại, “Tàì Hạ” sẽ bị ám sát chết ngay tức khắc giữa trận tiền (Vô Ngôn). Đúng vậy, một ngày nào đó chính những thiên kiếm tuyệt đao của ông ta sẽ động ngược

mũi nhọn đâm ông ta rụng tim, kẻ chơi dao lâu ngày ắt sẽ có lúc bùi ngùi mà đứt tay, chính những quái chiêu tuyệt kỹ mà ông ta đã sáng tạo ra sẽ có khi bùng một phát đập ông ta vỡ nội lực, những công phu thượng thừa đó sẽ đè ông ta ngộp thở đứt hơi tẩu hỏa nhập ma không biết đâu mà lường. Anh có nghe người ta nói chuyện tẩu hỏa nhập ma không? Chuyện đó có thật chứ. Tôi tin là nó có thực, nhất là đối với bọn người anh hùng đã từng hùng cứ một phương trời đảo điên. Anh không thấy gã Từ Hải sao? Đến như Trương vô Kỵ cũng còn xin quay về suốt đời ngồi vẽ lông mày cho ái khanh nữa là! Tôi tin là văn chương thi phú, những cái chữ nghĩa ác nhân thất đứt đó đều có thể giết người độc hại không biết đâu mà kể, đều có thể khiến người ta tẩu hỏa nhập ma bất cứ lúc nào. Nhưng sau cái Tẩu Hỏa Nhập Ma đó còn có cái gì không,

là Hương Quan chẳng? hay là Cổ Quận?
Hay Phố Thị Đìu Hiú? Hay Quê Nhà ta?
Là Vô Ngôn? Là Bất Khả? Là cỗi Tịch
Mịch? Hay miền Thái Không? là Sa Mạc
hay Đại Dương?... Tôi tài hèn sức mọn
làm sao tôi biết được, thật tình tôi không
biết (thưa rằng tôi không biết). Vì quả
tình tôi không ham cái trò tẩu hỏa nhập
ma này mấy, tôi chỉ ưa được bỏ đời về đi
hát cải lương, cứ đêm đêm ngâm nga đôi
ba câu vọng cổ hoài lang là tôi thấy vui
thú đìu hiú quá lắm rồi. Thưa “Tại Hạ,
thế sao chẳng phong kiếm quy điền đi
mà lên đường cái quan về quê mẹ? Sao
chưa chịu ngheu ngao gõ sừng Mục tử
(Berger de L' Être) mà lại cô thôn? Sao
không ca một khúc quy khứ lai từ rồi vội
vã mà bước xuống đò? (“Kể từ cái cuộc
tiêu ma. Nảy sinh cái ý sâu xa xuống đò”.
(BĐXC, tr. 141).

Có còn không, trên cõi đời này, một người nào còn đưa chân để bước qua cái bến hồng năm nọ?

Bến hồng ai giục nhau sang,

*Triều lên giữa ngọn trăng ngàn xuống
khe.*

(Mưa Nguồn: Buổi Hội)

Là một tác giả có nhiều sáng tác phẩm xuất bản nhất từ trước tới nay Bùi Giáng còn đồng thời là một nhà thơ, nhà văn thực sự tận tụy quên mình vì văn chương.

TÁI BÚT

Ai cũng biết Bùi Giáng là nhà văn có một phong thái, một giọng điệu (văn chương) rất mực chịu chơi, chịu chơi

ồ ạt vũ bão, chịu chơi tới độ không ai chịu thấu, chịu chơi vượt bức tường âm thanh, chịu chơi quá tốc độ v.v... và v.v... Vì mang tiếng chịu chơi nên cũng có quá nhiều huyền thoại, vì chịu chơi nên có thể gây nhiều ngộ nhận mà cũng vì chịu chơi nên bây giờ nổi tiếng rầm rầm. Một mình tung hoành dọc ngang khắp thiên hạ, một mình Bùi Giáng với một khuynh hướng văn chương coi chẳng giống ai cả, một mình Bùi Giáng đã thiết lập nên cả một triều đại văn chương (bây giờ) trong một triều đại văn chương (bây giờ). Đó là triều đại Bùi Giáng, một triều đại văn chương chỉ có một mình Bùi Giáng là đáng kể.

Bắt buộc phải viết về một tác giả như vậy thực là cực lòng nan giải lắm lắm. Phải gắng sức mà chịu chơi với ông ta một phần trăm một phần ngàn cũng

là đã kiệt sức lắm rồi. Thành ra thay vì phải viết một bài Nghị luận Văn Chương đúng điệu tôi phải viết một bài nghị luận tạm gọi là nghị luận tâm tình tức nhiên là một bộ môn văn chương có nhiều tính chất gần gũi với một bộ môn nghệ thuật ăn khách nhất bây giờ là Cải Lương vậy.

Thể loại văn chương tâm tình nghị luận tạm gọi là “Cải Lương Ca” này được tôi đem áp dụng ở đây gồm có mấy đoạn tả tình, vài đoạn tả cảnh kèm theo đôi ba đoạn tả chữ cùng một đoạn Tái Bút như thế này trong đó tôi có vay mượn năm ba chữ dùng trữ tình và thơ mộng của tác giả để gọi là xài tạm trong cơn bối rối chiêm bao (như quý vị vừa đọc qua ngay trong câu trên này). Như vậy là đã hết sức tôi rồi, không còn gì để nói nữa. Mong quý vị bỏ qua cho.

Sau đây là một kết luận khá chịu chơi về: Một nhà văn chịu chơi diễn tả theo cái thể điệu chịu chơi của năm nay: Bùi Giáng là một nhà thơ hơn là một nhà văn, là một nhà văn hơn là một nhà tư tưởng, tóm lại là một tay nghệ sĩ tài tử tài hoa và tài tình mà trong mười hai con giáp coi không giống con giáp nào cả. Có còn không, trên cõi đời này, một người nào còn muốn bỏ đời về đi hát cải lương, đêm đêm ôm nghiệp cầm ca cứ xuống một điệu xàng xê là cũng đủ cảm thấy đời hên xui lắm rồi?

